

TÍNH CỘNG ĐỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÁNH BẮT HẢI SẢN CỦA NGƯ DÂN VEN BIỂN MIỀN TRUNG¹

BÙI XUÂN ĐÌNH

Ở đầu

Tính cộng đồng nói chung, tính cộng đồng trong hoạt động kinh tế nói riêng là một trong những đặc điểm nổi bật của các nhóm cư dân Việt. Vấn đề này đã được bàn đến trong nhiều công trình nghiên cứu về dân tộc học, sử học và văn hóa học từ trước đến nay. Các công trình nghiên cứu đã khẳng định, tính cộng đồng của người Việt xuất phát từ yếu tố “làng” - đơn vị dân cư cơ bản và hoàn chỉnh nhất. Tính cộng đồng thể hiện khác nhau ở mỗi cộng đồng cư dân, phụ thuộc vào lịch sử cư dân, phương thức mưu sinh dựa trên đặc điểm của điều kiện địa lý tự nhiên...

Về tính cộng đồng của các nhóm ngư dân ven biển và hải đảo, đến nay, đã có một số tác giả bàn đến như Bùi Xuân Đình (1996), Sở Khoa học công nghệ và Môi trường Quảng Ngãi (2002), Nguyễn Duy Thiệu (2002), Trần Hồng Liên (2004), Phan Thị Yên Tuyết (2014), Nguyễn Văn Ngọc (2014)... Tuy nhiên, các tác giả chỉ bàn đến

tính cộng đồng của cư dân, chủ yếu là nhóm đánh bắt gần bờ tại một số vùng ven biển. Riêng luận văn của Nguyễn Văn Ngọc có bàn đến hoạt động đánh bắt xa bờ của ngư dân xã Bình Minh, song chưa bàn kỹ đến tính cộng đồng trong hoạt động mưu sinh này.

Bài viết này đề cập đến một khía cạnh nhỏ: tính cộng đồng trong hoạt động khai thác hải sản, đối tượng nghiên cứu chủ yếu là các nhóm ngư dân đánh bắt xa bờ ở một số xã vùng biển và hải đảo miền Trung. Nghiên cứu vấn đề này nhằm chỉ ra những đặc điểm xã hội và văn hóa của các cộng đồng ngư dân, cung cấp thêm những tư liệu cùng những luận cứ khoa học cho việc phát huy những mặt tích cực, khắc phục một số mặt bất cập trong hoạt động khai thác hải sản ở xa bờ, để ngư dân tiếp tục bám biển và hải đảo, phát triển kinh tế gia đình, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền biển và hải đảo của Tổ quốc.

Địa bàn nghiên cứu của bài viết này là huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) và xã Bình Minh (huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) - hai địa phương có truyền thống đánh bắt xa bờ. Ngư dân huyện đảo Lý Sơn có nghề nổi bật là lặn bắt hải sâm ở vùng biển và quần đảo Hoàng Sa; ngư dân xã Bình Minh nổi tiếng với nghề câu mực xà ở vùng biển quần đảo Trường Sa.

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “Một số vấn đề về đời sống xã hội và văn hóa của cộng đồng ngư dân ven biển và hải đảo từ Đà Nẵng đến Khánh Hòa từ góc nhìn dân tộc học”, do PGS. TS. Bùi Xuân Đình và TS. Nguyễn Thị Thanh Bình đồng chủ nhiệm, thực hiện trong 2 năm (2015 - 2016).

1. Các nhân tố tác động đến tính cộng đồng trong hoạt động đánh bắt hải sản

1.1. Yếu tố nghề

Hầu hết các hình thức đánh bắt hải sản của ngư dân đều gồm nhiều công đoạn với công việc nặng nhọc nên phải dựa vào sức mạnh tập thể, do vậy *yêu cầu về nhân lực rất lớn*. Các hình thức đánh bắt gần bờ cần ít nhất 6 - 7 lao động; các hình thức đánh bắt xa bờ càng cần nhiều nhân lực hơn. Chẳng hạn, với việc lặn bắt hải sâm của ngư dân Lý Sơn, để ra khơi và đánh bắt có hiệu quả trong mỗi chuyến đi biển trên một con tàu trị giá từ 1,5 tỷ trở lên, phải có ít nhất 16 người, gồm một thuyền trưởng chỉ huy tàu (còn gọi là tài công), một máy trưởng làm nhiệm vụ lái tàu, cũng có thể đảm nhận vai trò của người *bạn ngang* hay làm thợ lặn, một trưởng lò (nấu ăn), 4 bạn ngang (ở trên boong kéo lưới hoặc kéo thợ lặn lên), số còn lại là thợ lặn.

Yêu cầu lao động lớn nhất là nghề câu mực. Để một con tàu hoạt động có hiệu quả, phải có từ 35 lao động trở lên. Nghề này dù được coi là “nghề đơn độc”, từng người thợ câu một mình chơ vơ giữa biển khơi, với những chiếc thúng câu bồng bênh giữa muôn vàn sóng gió thì vẫn cần sự hợp tác của nhiều người, như cần sự trợ giúp của hội bạn thuyền từ bờ ra nơi đánh bắt, thả câu và đặc biệt, khi một người gặp sự cố về sức khỏe và công việc trong quá trình câu.

Giá trị của con tàu (gắn với đầu máy và bộ ngư cụ) cũng là yếu tố tác động đến tính cộng đồng của ngư dân. Để đánh bắt ở gần bờ có hiệu quả, phải có một con tàu với bộ ngư cụ trị giá hàng tỷ đồng; còn để đánh bắt xa bờ, con tàu - bộ ngư cụ lên đến vài tỷ. Đối với ngư dân, không phải ai cũng dễ dàng

có nguồn vốn trên, nên buộc phải “gọi” thêm nhiều người cùng góp vốn để đóng tàu, mua ngư lưới cụ. Bên cạnh đó, để đánh bắt được dài ngày ở ngoài khơi, cần có các khoản chi phí cho mỗi chuyến (lương thực, thực phẩm, dầu máy, đá lạnh cùng nhiều vật dụng khác, ước tính vài trăm triệu đồng). Một số người sau một thời gian làm ăn may mắn có được một số vốn tích lũy, hoặc nhờ sự hỗ trợ của bố mẹ, anh em, đủ sức để mua sắm tàu - lưới riêng; song để có thêm nguồn lực tài chính cho các chuyến đánh bắt, giảm thiểu rủi ro trước những tác động của thiên tai, nhiều người vẫn muốn người khác (thường là anh em, họ hàng thân thích) cùng chung vốn, gọi thêm bạn thuyền để cùng đánh bắt - cho dù làm chủ được một con tàu vốn là ước mơ của cả đời họ.

Các hình thức đánh bắt hải sản của ngư dân đều phụ thuộc rất nhiều vào *các yếu tố tự nhiên* (thời tiết từng mùa, từng ngày, chế độ sóng, thủy triều, mây mù, kỳ trăng sáng, đặc biệt là gió bão). Ngư dân thường xuyên phải đối mặt với nhiều yếu tố bất ngờ, nguy hiểm xảy ra, như bão tố, sóng biển... với cường độ lớn. Nhiều trận bão tố, sóng biển gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản cho ngư dân. Không ít ngư dân mất những người thân yêu nhất, trụ cột của gia đình, mất hết tài sản (con tàu, ngư cụ) sau những cơn cuồng phong. Yếu tố bất thường của tự nhiên đòi hỏi ngư dân phải có tính cộng đồng rất cao để chống chọi với thiên tai trong khi đánh bắt, khắc phục hậu quả sau thiên tai ở ngoài khơi và cả trong đất liền.

1.2. Yếu tố xã hội

Ngư dân ven biển và hải đảo miền Trung nước ta sớm tụ cư thành các *làng*. Từ ngoài Bắc, mô hình thiết chế tổ chức làng

Việt được dịch chuyển vào miền Trung. Tuy có một số thay đổi, song về cơ bản, làng vẫn là thiết chế mang tính cộng đồng rất cao, biểu hiện cụ thể ở các quan hệ huyết thống, xóm giềng, trong các phong tục (cưới xin, tang ma), các hình thức thờ cúng, các lễ tiết trong năm, được thực hiện thông qua các thiết chế gia đình, dòng họ, các phường hội và cao nhất là cộng đồng làng. Tính cộng đồng làng ở ngoài Bắc được bảo tồn và dường như được tăng cường, củng cố hơn với ngư dân, khi phải đối mặt với một môi trường tự nhiên của miền Trung đầy khắc nghiệt, để sống được với các phương thức mưu sinh khác nhau. Ý thức về huyết thống và các giá trị của làng ở cư dân ven biển và hải đảo miền Trung nói chung, ngư dân nói riêng cũng rất đậm nét và sâu sắc.

Các yếu tố phong tục cũng có tác động lớn đến quan hệ xã hội và tính cộng đồng trong hoạt động đánh bắt xa bờ của ngư dân. Khi nam giới đi đánh bắt dài ngày ở ngoài khơi, vợ con, bố mẹ họ ở nhà luôn lo lắng cho sự bình yên của họ. Việc những người trong cùng làng, cùng họ hàng đi đánh bắt với nhau là một trợ lực tâm lý, tinh thần lớn cho họ; ngược lại, vợ con, bố mẹ họ ở nhà có điều kiện quan tâm, động viên, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, nếu chẳng may ốm đau, tang ma, tai nạn... đến với họ.

Tóm lại, hoạt động mưu sinh trên biển, nhất là ở ngoài khơi xa, đòi hỏi ngư dân phải có các hình thức liên kết để duy trì sản xuất và các hoạt động liên quan. Cơ sở bảo đảm cho tính chặt chẽ và lâu bền của sự liên kết đó là lòng tin giữa con người. Các quan hệ huyết thống, xóm giềng, chính là các yếu tố bảo đảm vững chắc nhất cho sự liên kết đó.

2. Một số biểu hiện về tính cộng đồng của ngư dân trong đánh bắt hải sản

2.1. Tính cộng đồng về huyết thống (cộng đồng dòng họ)

Tính cộng đồng này thể hiện rõ nét ở tất cả các hình thức, quan hệ sở hữu với con tàu và bộ ngư lưới cụ - công cụ lao động và là tài sản lớn nhất, quan trọng nhất của ngư dân, thể hiện cụ thể ở ba quan hệ và hình thức sở hữu là “hùn”, *tiểu chủ*, *ké thuyền*.

2.1.1. “Hùn” hay quan hệ “đậu thuyền chung lưới”

“Hùn” là việc nhiều người cùng góp vốn mua sắm thuyền (ngày nay là tàu) và ngư lưới cụ để cùng nhau đi đánh bắt và chia sản phẩm. Loại hình liên kết này phù hợp với điều kiện vốn và hoạt động đánh bắt của ngư dân. Tùy điều kiện kinh tế, mỗi ngư dân góp lượng vốn khác nhau, có thể một phần hay nhiều phần; song nhìn chung, những người tham gia hùn đều cố gắng góp lượng vốn như nhau để dễ chia sản phẩm, tạo ra sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, tính cộng đồng trong đánh bắt. Lờ lãi sau mỗi chuyến đánh bắt chia theo vốn đóng góp và ngày công tham gia.

Hùn hay đậu thuyền - chung lưới là hình thức liên kết làm ăn rất phổ biến ở vùng biển miền Trung. Tại xã Bình Minh, trong tổng số 117 tàu của xã vào cuối năm 2015, có đến 100 tàu thuộc diện này, chủ yếu ở các tàu với hình thức đánh bắt bằng lưới vây, chụp mực, câu khơi... Tùy loại tàu, ngư lưới cụ mà có số lượng thành viên góp vốn. Loại lưới vây cần ít người nhất cũng từ 4 đến 6 người góp vốn, có khi nhiều hơn, phụ thuộc vào số vốn của những người tham gia. Các

loại lưới chụp mực hay nghề câu mực ngoài khơi đều yêu cầu tăng thêm số lượng người đánh bắt, đồng nghĩa với tăng người góp vốn.

Những người góp vốn chung thuyền (ngày nay là tàu) gọi là một *hội thuyền*. Họ cử một người có uy tín, có kinh nghiệm đi biển hoặc hoàn cảnh gia đình thuận lợi làm thuyền trưởng (*ông lái*). Ngày nay, những con tàu được nâng cấp hiện đại, để lái được tàu, phải có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng. Thuyền trưởng là người quyết định hướng, ngư trường, địa điểm và hình thức đánh bắt, phân công công việc cho các thành viên, giải quyết các quan hệ nội bộ của hội thuyền, nếu có vấn đề xảy ra, đến việc giao lưu kết nghĩa với các thuyền bạn. Thuyền trưởng cũng là người đứng ra giao dịch với chính quyền về các vấn đề có liên quan (đăng ký hành nghề, nộp thuế, mua bảo hiểm, đóng góp vào các nghi lễ của cộng đồng làng theo phong tục của địa phương...). Trách nhiệm thì nhiều nhưng thuyền trưởng cũng chỉ được hưởng quyền lợi như các thuyền viên, theo cổ phần đóng góp và công lao động. Thông thường, nếu tàu làm ăn có hiệu quả, thuyền trưởng được tín nhiệm làm tiếp; song nếu tàu đánh bắt không hiệu quả liên tục vài chuyến, phải bầu thuyền trưởng khác.

Trợ giúp thuyền trưởng có thuyền phó. Khi thuyền trưởng bị ốm đau hay có việc đột xuất phải vắng mặt, thuyền phó duy trì công việc của hội thuyền.

Các hội thuyền đều có quy ước về góp vốn, đóng góp công lao động và chia sản phẩm, thuê mướn thêm lao động đánh bắt, sử dụng quỹ, quy định về chế độ công sá (và cả việc thăm hỏi) cho các thành viên không

tham gia đánh bắt khi bị ốm đau, tai nạn, có việc tang ma, cưới xin hoặc việc riêng khác; việc định giá tài sản để phân chia khi có thành viên xin tách ra khỏi hội thuyền...

“Hùn” hay “đậu thuyền chung lưới” thể hiện nổi bật trong quan hệ huyết thống và liên huyết thống. Trong số những người cần gọi “hùn”, anh em trong gia đình là mối quan tâm hàng đầu, tiếp đến là anh em bên nội, bên ngoại, anh em rể, rồi mới đến bạn bè và hàng xóm, được ngư dân đúc kết “*Thứ nhất anh em, thứ nhì hàng xóm*”. Số liệu thống kê ở các điểm điều tra cho thấy, đa số các tàu đều thu hút anh em, con cháu, người trong họ hùn vốn. Tại xã An Hải (huyện Lý Sơn), đầu năm 2015, có 60 tàu đánh bắt xa bờ; trong đó, có 45 tàu tập hợp những người có mối quan hệ cha con, anh em ruột, anh em họ là chủ yếu, chiếm 75%. Xã An Vĩnh bên cạnh cũng có hiện tượng tương tự. Dưới đây là một vài ví dụ ở thôn Tây của xã này:

- Tàu của ông Nguyễn Thanh Hồng có những người hùn vốn là con (Nguyễn Văn Thiện, đảm nhiệm vai trò thuyền trưởng) cùng các thuyền viên là Nguyễn Thọ (con đẻ), Võ Văn Sĩ (con rể), Võ Lộc (cháu bên vợ), Trần Hoa (láng giềng)...

- Tàu của ông Dương Văn Giàu có các thuyền viên là cháu (Dương Minh Trường, Dương Minh Khuân), anh em hai phía bên vợ (Nguyễn Cu, Phạm Rân), cùng các thuyền viên khác là có quan hệ anh em với nhau (Nguyễn Tấn, Nguyễn Sĩ, Nguyễn Luận, Nguyễn Trung Nguyễn Giang)...

- Tàu của ông Lê Trúc có các em ruột là Lê Văn Phúc, Lê Văn Công, anh em cọc chèo là Nguyễn Dũng, cháu ruột là Lê Văn Hời.

- Tàu của ông Nguyễn Văn Đại có hai em ruột là Nguyễn Út, Nguyễn Thắng, anh em con chú bác là Nguyễn Thoại.

- Tàu của ông Dương Minh Nhất có 5 người là anh em ruột, 6 người là anh em họ hàng bên nội, 5 người là xóm giềng. Trong số 16 người trên, 5 anh em ruột, mỗi người góp 100 triệu đồng để đóng tàu (công suất 450 CV, tổng giá trị con tàu là 1,5 tỷ đồng), mua ngư lưới cụ, còn lại 1 tỷ là tiền của đầu nậu đầu tư.

Tại xã Bình Minh, thống kê 117 tàu đánh bắt xa bờ (một số ở gần bờ) cho thấy, quan hệ huyết thống và liên huyết thống với nhiều mức độ khác nhau trong việc “hùn” hay “đậu thuyền chung lưới” vẫn là nét nổi bật (xem Bảng 1).

Việc hùn theo quan hệ huyết thống và liên huyết thống có những nguyên nhân sau:

- Người bố ở tuổi ngoài 40, sức yếu, tần suất đi biển giảm dần, sau khi tích lũy được một ít vốn liếng để mua sắm con tàu đã chia lại một phần cho con (hoặc các con) trai, mỗi người một “cổ phần”. Nếu người bố còn sức khỏe, có thể đi đánh bắt cùng các con, để vừa được hưởng thu nhập chia theo phần “của” (cổ phần đóng góp cho con tàu) và phần “công” (công đi đánh bắt) theo thông lệ, quy ước hay tập quán chung ở địa phương; song điều quan trọng nhất là truyền dạy kinh nghiệm đánh bắt cho các con. Nếu người bố không còn khả năng đi đánh bắt thì giao lại cho con cái con tàu đó, để họ đi đánh bắt và người bố được chia phần thu nhập theo cổ phần. Đây cũng là một hình thức bảo tồn tài sản và tạo thu nhập của một bộ phận ngư dân khi về già để ít phải nhờ đến con cái. Hình thức này ở xã Bình Minh

chiếm 18% trong tổng số các con tàu thuộc diện “hùn” vốn.

- Đồng dạng với hình thức trên, nhiều trường hợp hai - ba anh em ruột trong một nhà được bố mẹ để lại cho một tài sản chung (con tàu và bộ ngư lưới cụ), “sẵn nong sẵn né”, cùng quản lý, cố gắng duy trì sở hữu chung con tàu đó để thuận tiện trong đánh bắt, vừa để làm phương tiện và hình thức gắn kết quan hệ anh em. Tuy nhiên, khá nhiều trường hợp, con tàu mà bố mẹ để lại nhỏ bé, xuống cấp, anh em vẫn muốn duy trì việc làm ăn chung, nên góp thêm vốn để đóng (hoặc mua) tàu lớn, mới hơn. Cũng có trường hợp, tài sản của bố mẹ để lại không nhiều (có khi không có), anh em tự tích lũy và hùn vốn để mua tàu đánh bắt chung. Trong số 100 con tàu “hùn vốn” ở xã Bình Minh, số tàu do anh em ruột hùn chiếm tỷ lệ lớn nhất (31%). Điều này dễ hiểu vì trong quan hệ huyết thống, tình cảm và trách nhiệm với nhau của anh em ruột chắc chắn đứng thứ hai, sau tình cảm cha mẹ - con cái. Với ngư dân, hoạt động đánh bắt hải sản như là một phương tiện, một biện pháp để nâng đỡ tình cảm và trách nhiệm giữa anh em, nên quan trọng và thiêng liêng hơn rất nhiều so với cư dân nông nghiệp. Một nguyên nhân khác, thuộc về yếu tố tâm lý của những ngư dân trẻ: đi đánh bắt với bố (hoặc cha, chú) tuy được bảo ban, truyền dạy tỉ mỉ, song chỉ có giá trị ở giai đoạn đầu học nghề; còn khi tay nghề đã vững, kinh nghiệm đã có thì hoạt động đánh bắt chung giữa bố (cha chú) và các con (cháu) nhiều khi lại vấp phải sự không đồng thuận trong định hướng ngư trường đánh bắt, cách đánh bắt, cùng sự xung đột giữa tính thích đột phá, mạo hiểm của tuổi trẻ với sự thận trọng, có khi bảo thủ của người già.

Bảng 1. Các quan hệ xã hội trong các tàu ở xã Bình Minh

TT	Quan hệ	Số tàu	Thôn			
			Tân An	Hà Bình	Bình Tân	Bình Tĩnh
1	Cha con và các cháu ruột	18	5	12	1	0
2	Anh em ruột	31	7	18	1	5
3	Chú cháu, bác cháu ruột	04	1	3	0	0
4	Cậu cháu	01	1	0	0	0
5	Anh em bên nội	03	1	2	0	0
6	Anh em bên ngoại	01	1	0	0	0
7	Anh em rể, anh em cọc chèo	03	0	2	0	1
8	Xóm làng và bạn bè	39	11	25	0	3
9	Mua riêng	17	0	0	13	4
Tổng		117	27	62	15	13

Nguồn: Điều tra và tổng hợp năm 2015 của Bùi Xuân Đính, Nguyễn Văn Ngọc.

Ngoài hai quan hệ bố - con, anh em ruột, bác (chú) cháu ruột là chủ đạo, quan hệ huyết thống trong hùn vốn chung tàu còn thể hiện ở những người là anh em bên nội, anh em bên ngoại, cậu cháu, anh em rể, anh em cọc chèo, song với số lượng tàu không nhiều. Các quan hệ này do những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể quy định, theo hướng thuận tiện nhất cho những người góp vốn.

Trong việc hùn vốn để đóng tàu, mua ngư lưới cụ đi đánh bắt theo quan hệ anh em, họ hàng, mục đích tương trợ, hỗ trợ nhau là yếu tố nổi bật. Ở đây chủ yếu là người có vốn, có “lực” giúp đỡ anh em trong gia đình, họ hàng (hay anh em rể, anh em bên vợ, anh em cọc chèo) theo tinh thần “Con béo kéo con gầy”; hay người mới lập

gia đình, lập nghiệp còn nhiều khó khăn được anh em, chú bác đỡ đần. Ngay cả một số ít trường hợp, một con tàu có nhiều anh em góp vốn, thì cũng là người “trường vốn” hỗ trợ người ít vốn. Đây cũng là giải pháp để ngư dân có vốn, không phải vay vốn của “đầu nậu”, để không phải suốt đời phụ thuộc vào đầu nậu, như một “vòng kim cô” mà ngư dân trong vùng đúc kết. Hình thức hùn này thể hiện rõ nét nhất ở các hình thức lưới vây, chụp mực, đánh bắt ở phía ngoài của vùng lộng, giáp vùng khơi, thường đi từ 4 giờ chiều, đánh bắt trong đêm, đến sáng trở về; buổi chiều lại đi tiếp.

Việc hùn vốn để chung tàu thuyền theo quan hệ huyết thống còn có lợi thế là ít khi xảy ra bất đồng, mâu thuẫn và nếu có xảy ra

thì cũng dễ giải quyết, không dẫn đến chia tách tàu. Trường hợp bắt đực dĩ phải chia tách, nhất là khi phải nhờ đến sự can thiệp của chính quyền cũng dễ giải quyết trên cơ sở “cái tình” của những người cùng huyết thống hay anh em rể, anh em cọc chèo “vị cây dây quán”, không dẫn đến sự “cạn tình” của những người đầu thuyền, chung lưới là người trong làng, không có quan hệ anh em họ hàng.

- Hình thức “tiểu chủ”

Hình thức này được biểu hiện cụ thể ở hai dạng:

- Một dạng là một người có đủ tiềm lực tài chính, làm chủ một con tàu gắn với bộ ngư lưới cụ, thu nạp (“kêu”) *bạn* hay *bạn thuyền*² đi đánh bắt, chia sản phẩm theo thỏa thuận, thường theo tập quán chung của địa phương. Tại xã Bình Minh, có trong 111 tàu của cả xã có 17 tàu (chiếm 14,5%) là của cá nhân sắm riêng, đều ở thôn Bình Tân (13 tàu) và Bình Tĩnh (4 tàu), do hai thôn chủ yếu làm nghề câu mực ở vùng biển đảo Trường Sa. Mỗi chuyến đi đánh bắt kéo dài từ 2 - 2,5 tháng, phải “kêu” đủ 35 bạn thuyền trở lên mới có thể ra khơi. Đến chuyến đánh bắt sau, lại kêu bạn thuyền tiếp tục đi đánh bắt cùng, nên sự ổn định về số lượng bạn thuyền trước năm 2013 không căng thẳng như các hình thức đánh bắt khác.

² “Bạn” cũng có nghĩa gồm cả những người cùng góp vốn chung tàu thuyền và cùng đi đánh bắt với nhau. Từ “bạn thuyền” ra đời từ xa xưa, khi công cụ đánh bắt chỉ là các con thuyền nhỏ. Ngày nay, ngư dân đánh bắt bằng các con tàu lớn, hiện đại, nhưng vẫn gọi người cùng đi đánh bắt là “bạn thuyền”.

- Dạng thứ hai là một nhóm người (thường có quan hệ huyết thống hay liên huyết thống hay người cùng xóm làng) góp vốn sắm chung một con tàu, gọi thêm bạn thuyền đi đánh bắt - như đã nêu ở trên. Dạng sở hữu này thường phổ biến với các hình thức đánh bắt huy động nhiều người, như lặn bắt hải sâm, câu mực xà...

Thực chất, những “bạn” hay “bạn thuyền” đi đánh bắt trên các con tàu theo hai hình thức sở hữu trên đây là những người không có vốn, phải đến làm thuê cho các chủ tàu để được nhận số tiền công theo thỏa thuận và theo kết quả mỗi chuyến đi biển. Mỗi tàu cũng như mỗi hình thức đánh bắt có quy định riêng về cách tính công cho các “hạng” bạn thuyền, theo năng lực và công sức đánh bắt của họ mà do khuôn khổ hạn chế của bài báo, chúng tôi không thể đưa ra các thông tin cụ thể.

Trong việc “kêu” bạn thuyền, các chủ (hay nhóm chủ) tàu thường quan tâm đầu tiên đến người trong họ, sau đó đến người trong xóm - làng - xã, rồi mới đến người ở các xã khác, các địa phương khác. Chẳng hạn, tàu của ông Dương Minh Nhất đã nêu ở trên, ngoài 5 anh em ruột góp vốn, còn “kêu” 6 người là anh em họ hàng bên nội, 5 người là người trong xóm đi đánh bắt cùng (lặn bắt hải sâm ở quần đảo Hoàng Sa). Riêng với nghề câu mực và lưới vây ở ngoài khơi có đặc thù là đánh bắt đơn lẻ (cá nhân)³

³ Chủ tàu đưa người đi câu ra ngư trường. Người đi câu phải chuẩn bị cho mình những công cụ cần thiết như thúng, câu, bình điện, bộ đàm, đồ ăn, đồ uống cho mình trong thời gian câu. Hết chuyến đánh bắt, anh ta nộp lại một phần tiền bán sản phẩm cho chủ tàu.

nên những người đánh bắt thuê không nhất thiết phải là người trong họ, cùng làng, mà có thể là người ở các xã trong vùng; tuy nhiên, các chủ tàu vẫn muốn có các bạn thuyền là có người cùng làng xã, song phải là người có kinh nghiệm đánh bắt.

Việc thu nạp anh em, con cháu trong gia đình và dòng họ cùng đi đánh bắt trong một con tàu còn có những nguyên do và lợi ích sau:

- Người mới lập gia đình, không có vốn sắm thuyền, tàu riêng để đánh bắt, phải dựa vào anh em họ hàng, để đỡ bị “bóc lột” hơn.

- Thanh niên mới lớn lên, đi biển những lần đầu rất bỡ ngỡ, cần đi theo cha chú, anh em để được truyền dạy cẩn thận, tỉ mỉ các kỹ thuật, kinh nghiệm đánh bắt.

- Giải quyết công ăn việc làm cho anh em trong gia đình, người trong họ với tinh thần “*Giọt máu đào hơn ao nước lã*” cũng là một phương tiện, một hình thức để gắn kết quan hệ huyết thống.

- Nguồn lao động trên một con tàu được ổn định thường xuyên cho các chuyến đánh bắt, ít xảy ra hiện tượng lao động “rẽ ngang” (đổi đi làm cho chủ tàu khác) sau mỗi chuyến đi đánh bắt, khi được hứa trả công cao hơn (dân gian gọi là “nhảy tàu”, “chạy tàu”, hay “bạn nhảy”).

- Trong khi đánh bắt, anh em, họ hàng gánh vác các phần việc cho nhau, ít có hiện tượng ý lại, dựa dẫm; thậm chí, nếu gặp nguy hiểm thì có thể sẵn sàng hy sinh vì nhau.

- Anh em trong gia đình, dòng họ để bảo nhau, đồng thuận trong đánh bắt (quyết định hướng đánh bắt, ngư trường và hình

thức đánh bắt, nơi tiêu thụ sản phẩm và cách thức chia tiền, sản phẩm...).

Nhiều chủ tàu cũng như thuyền viên khi trao đổi với chúng tôi đều cho rằng, chủ tàu nào có đông anh em họ hàng cùng đi đánh bắt là một lợi thế.

2.1.2. Hình thức kẹ thuyền

Kẹ thuyền là hình thức người có tàu (thuyền) cho người khác đi đánh bắt mà họ không cần phải trả công. Người kẹ thuyền gồm các dạng sau:

- Người đã từng đi biển nhưng vì nhiều lý do đã lâu ngày không đi làm nghề, như người gặp tai nạn, người ốm (những người này chiếm đa số), một số người vì việc gia đình bất trắc phải nghỉ lâu ngày, muốn đi làm trở lại, các thao tác không còn thuần thục để theo kịp bạn thuyền; phải “kẹ thuyền” để dần hồi phục sức khỏe và quen với các việc một thời gian, nếu hồi phục sức khỏe có thể trở lại đi biển tiếp.

- Thanh niên mới lớn bắt đầu đi học nghề, song không có người thân “đỡ đầu”, phải đi kẹ thuyền của người cùng làng, hoặc cùng họ để học nghề (giống như các “phó nhỏ” của các tốp thợ mộc ở các làng trong nội đồng).

Kẹ thuyền diễn ra chủ yếu ở hình thức đánh bắt tại các ngư trường xa.

Khi đi kẹ thuyền, những người trên đây chỉ làm những công việc phụ, như nấu ăn, kéo lưới và dần làm quen với một số công việc như chèo thúng, phân loại cá... Dần dần có thể tham gia vào các việc đánh bắt, tùy điều kiện sức khỏe. Sau chuyến đi biển, họ được chủ tàu cho một số tiền, có thể là 500 ngàn hoặc một triệu đồng (tùy từng

chủ tàu). Tuy nhiên, cái được của người k e thuyền l a r t l n⁴. V i thanh ni n m i l n,  y l  qu  tr nh h  t ng b c h c vi c, quen dần v i c c thao t c lao  ng của ngh  bi n, t ch l y ban  u m t s  kinh nghi m...  ể tr  th n m t ngư d n thu n th c. V i nh ng người b  “ t  oạn” ngh   i bi n v i c c l y do kh c nhau, nh t l  v  sức kh e, th i gian k e thuyền gi p h  ph c hồi sức kh e, l y l i “c m gi c bi n”, quen l i v i c c công vi c  nh b t  ể c  th  nhanh ch ng tr  l i l  m t ngư d n b nh th ng, gia nh p v o c c h i bạn thuyền  ể  i  nh b t,  em l i thu nh p cho b n th n, gia  nh...

2.2. T nh cộng  ng làng xóm

Trong vi c h n v n,  u thuyền chung l i, ngo i quan h  huy t th ng v  li n huy t th ng r t  m n t, c n th  hi n   quan h  cộng  ng làng xóm v  quan h  bạn b : nh ng người c ng làng (trong  o quan h  xóm gi ng l  nổi b t), nh ng người l  người làng nhưng c ng tu i c ng h n v n  ể s m chung t u thuyền (g n v i bộ ngư l i c ). V n   x  B nh M nh, trong s  117 t u c  39 t u (33%) l  do nh ng người xóm làng v  bạn b  h n v n, t p trung   hai th n T n An (14 t u) v  H  B nh (25 t u), do ngư d n hai th n n y ch  y u  nh b t b ng ch p m c,

l i v y, ho t  ng trong l ng l  ch nh, th ng ch   i 2 - 3 ng y l  tr  v e, b n h t c  r i l i  i  nh ti p, n n c n lao  ng  n  nh, c  v  s  l ng v  ch t l ng.

Nh ng người h n v n   c c con t u n y cho bi t, h  kh ng h n v i anh em, h  h ng m  h n v i bạn b , người trong xóm làng v  nh u l y do:

- Anh em, h  h ng kh ng c ng ngu n v n, th m ch  nh u người ngh o, m i l p nghi p kh ng c  v n  ể h n.

- Anh em h  h ng nh u khi kh ng h p t nh n t.

- Người c ng xóm làng c ng s ng v i nhau t r nh , th m ch  s ng truyền  i v i nhau, hi u nhau t r “ch n t r k  t c” v  t ng t ch, gia th , t nh c ch, t nh n t... của nhau, n n c  cơ s   ể l a ch n bạn h n. Bạn b  th ng c ng tu i, ch i v i nhau nh u n m, hi u t nh t nh, t nh n t của nhau. Trong vi c h n theo c  hai m i quan h  n y, c c bạn h n b nh  ng v i nhau, kh ng ch  trong công vi c m  c n c  trong xung h , cư x ; kh c v i người c  quan h  anh em, h  h ng, kh ng  ược b nh  ng th t sự khi b i th r b c huy t th ng ch  ph i, nh t l  khi x y r  b t  ng kh ng mong mu n trong khi  nh b t. Tr ng h p x y r  m u th n, c ng  ể “ n n i” v i nhau trong h ng gi i quy t. N u m u th n kh ng th   i u h a bu c ph i t ch t u th i c ng  ể “s ng ph ng” v i nhau.

Ngo i vi c h n v n, quan h  xóm làng, bạn b  c n th  hi n trong khi  i  nh b t. C c ch  t u (s  h u c  nh n hay  ng s  h u) kh ng ch  k u bạn thuyền l  nh ng người c ng h  h ng, m  c n s   ng l  nh ng người c ng xóm, c ng làng, nh t l  v i hai h nh th c l n b t h i s m v  c u m c

⁴ C ng g i l  “k e thuyền”, nhưng   m t s  nơi l i mang m t y ngh a, m c  ch kh c: c c bạn thuyền (th ng l  người kh e m nh)  i nhờ t u của ch , r  c u m c   Tr ng S , t r c u m c, h t  t  nh b t ph i n p l i cho ch  t u ph n ch i ph i v  x ng  u, l ng th c th c ph m m  ch  t u b  r  (th ng kh ng 16 - 20% s  ti n hay s n ph m m  người k e thuyền  nh thu  ược).  y th c ch t l  h nh th c k u bạn thuyền như    nh   tr n (t  li u  i u tra t i x  B nh Ch nh, h y B nh S n, t nh Qu ng Ng i của ch u nhi m  e t i trong m t ch y n kh o s t tr c  y).

xà vì các hình thức đánh bắt này cần nhiều nhân lực; người trong gia đình, họ hàng nhiều khi do tính tình, do sở thích đã “phân tán” đi đánh bắt cho các chủ tàu khác, không cùng dòng họ. Một số chủ tàu cho rằng, trừ trường hợp anh em ruột, anh em con chú bác... phải cuu mang nhau, họ không kêu bạn thuyền là người trong họ vì thực tế nhiều trường hợp, người có quan hệ họ hàng hay dựa dẫm nhau, không nỗ lực hết mình vì việc chung. Một số chủ tàu đi câu mực xà ở Trường Sa cho rằng, họ không kêu người trong họ vì sợ bị mang tiếng là lợi dụng, bóc lột người trong họ.

Quan hệ cộng đồng làng xóm cũng thể hiện ở hình thức ké thuyền.

Từ hai hình thức quan hệ “hội thuyền” và “tiểu chủ”, tại huyện Lý Sơn, từ năm 2011, xuất hiện hiện tượng cho người làm thuê được góp vốn (cũng gọi là “hùn”). Đây là sáng kiến của một số người tâm huyết. Họ từng là ngư dân bám biển, thấu cảnh ngư dân năm này qua năm khác đi đánh bắt thuê cho các chủ tàu; thu nhập của mỗi chuyến đánh bắt, cũng là cuộc yếu tố may mắn, còn phụ thuộc vào “lòng tốt” của chủ; song trên thực tế, nhiều chủ thuyền không dễ từ bỏ “lòng tham” của họ. Vì vậy, dù ngư dân có cật lực đánh bắt, đối mặt với biết bao nguy hiểm giữa trùng khơi thì thu nhập của họ vẫn rất thấp. Tuyệt đại đa số ngư dân suốt đời không thoát khỏi thân phận làm thuê, khó có thể gắn bó lâu dài với một con tàu, một chủ phương tiện để đánh bắt có hiệu quả. Chỉ khi người ngư dân được cùng làm chủ con tàu gắn với bộ ngư lưới cụ, họ mới thoát khỏi thân phận làm thuê, cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Giải pháp cho vấn đề này chính là ngư

dân làm thuê được góp vốn. Biện pháp này cũng góp phần tăng tính cộng đồng trách nhiệm trong đánh bắt và quản lý con thuyền, để đánh bắt có hiệu quả hơn. Việc hùn vốn này có điểm khác biệt, cũng là điểm mới so với quan hệ đậu thuyền chung lưới. Đó là, người hùn vốn không nhất thiết phải có số vốn góp vào bằng nhau, thậm chí có thể có người hoàn toàn không có đồng vốn nào. Việc góp vốn này được thực hiện theo nguyên tắc tính cổ phần đã được xác định của con tàu. Người chưa đủ số tiền trên (thậm chí không có đồng vốn nào) thì góp vốn bằng cách giữ lại một phần tiền công được chia sau mỗi chuyến đánh bắt cho đến khi đủ số vốn theo quy định để trở thành một cổ đông hoàn chỉnh, được hưởng đủ quyền lợi sau mỗi chuyến đánh bắt gồm phần tiền chia theo cổ đông đóng góp và phần tiền theo công đánh bắt.

Với việc hùn vốn này, quan hệ, vị thế của ngư dân đã thay đổi hẳn: từ người làm thuê, luôn mang tư tưởng “làm thuê cho chủ tàu” hay “đi làm thuê cho gia đình nhà ấy” nên nhiều trường hợp bạn thuyền không tích cực đánh bắt, thiếu ý thức giữ gìn tàu và tài sản trên tàu; đến đây trở thành người cùng làm chủ con tàu, tạo tính cộng đồng trách nhiệm trong đánh bắt và quản lý con tàu. Trong hình thức hùn vốn này, đa số những người hùn đều có quan hệ họ hàng xa, người cùng làng với nhau.

3. Kết luận

Cư dân huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) và xã Bình Minh (huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) có truyền thống khai thác hải sản gần bờ và xa bờ. Trong đó, có các hình thức đánh bắt vùng biển của hai quần

đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nổi bật là lặn bắt hải sâm và câu mực xà.

Các hình thức khai thác hải sản ở biển khơi, nhất là các hình thức đánh bắt xa bờ đã chi phối các quan hệ gia đình, dòng họ và làng xã của cộng đồng ngư dân, thể hiện ở quan hệ liên quan đến con tàu (thuyền). Những người là anh em ruột, anh em con chú con bác, chú cháu ruột, người trong họ... chiếm vị trí chủ đạo trong việc đầu thuyền chung lưới. Bên cạnh đó, quan hệ xóm giềng và cộng đồng làng vẫn tồn tại khá đậm nét.

Các quan hệ cộng đồng huyết thống, xóm giềng, làng trên đây đã giúp ngư dân các điểm nghiên cứu đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ nhau trong việc tạo ra nguồn vốn để sắm tàu (thuyền), ngư lưới cụ và nguyên, vật liệu để ra khơi đánh bắt; hỗ trợ nhau trong đánh bắt ngoài khơi; tạo ra nguồn thu chủ đạo cho gia đình, góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Trong các quan hệ này, những mặt tích cực là cơ bản, nổi trội, cần được duy trì và phát huy trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Xuân Đính (1996), “Những vấn đề về xã hội, văn hóa, phong tục tập quán

của ngư dân vùng biển Dung Quất”, trong: *Điều tra khảo sát những vấn đề khảo cổ học và thực trạng kinh tế - xã hội, phong tục tập quán phục vụ di dân tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*, bản đánh máy, lưu tại Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn về phát triển, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

2. Trần Hồng Liên (Chủ biên) (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Ngọc (2014), *Các hình thức đánh bắt hải sản của ngư dân ở xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ Việt Nam học, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

4. Nguyễn Duy Thiệu (2004), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội - kinh tế - văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Sở Khoa học công nghệ và Môi trường (2002), *Văn hóa truyền thống đảo Lý Sơn*, Quảng Ngãi.